TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 23, 03/06 – 07/06/2024

Thị trường tích lũy tạo đà

Tiêu điểm:

- Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã cắt giảm lãi suất lần đầu tiên sau 5 năm từ mức 4% xuống còn 3.75%.
- Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, IIP ước tính tăng 6.8% so với cùng kỳ năm trước.
- Tín dụng đến cuối tháng 5/2024 tăng 2.41%, cách xa mục tiêu ngành ngân hàng đặt ra năm nay là 14%.
- Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính chung 5 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 156.77 tỷ USD, tăng 15.2% so với cùng kỳ năm 2023.

Đánh giá: Tình hình thế giới ghi nhận những chuyển biến tốt khi ECB lần đầu hạ lãi suất trong vòng 5 năm, từ mức 4% xuống còn 3.75%, qua đó phát đi tín hiệu đảo chiều chính sách. Thị trường chứng khoán toàn cầu đã có những diễn biến tích cực khi các nhà đầu tư đang kỳ vọng Fed sẽ có những hành động tương tự. Tình hình vĩ mô trong nước có những diễn biến trái chiều khi ghi nhận sự hồi phục của nhóm ngành sản xuất và xuất nhập khẩu, trong khi đó, tăng trưởng tín dụng trong 5 tháng đang thấp hơn so với kế hoạch. Điều này dự kiến sẽ tạo ra sự phân hóa giữa các nhóm ngành trong thời gian sắp tới.

Góc nhìn kĩ thuật: Trên đồ thị tuần, VNINDEX đóng cửa tại 1,287 (+25.86 điểm, +2.05%) với thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức cao. Các chỉ báo duy trì xu hướng tích cực khi chỉ báo RSI nằm trên mức 50 điểm và đường MACD đã cắn lên trên đường signal.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư nên tập trung vào nhóm ngành sản xuất và xuất khẩu khi các nhóm này đang trong quá trình hồi phục theo xu hướng chung của nền kinh tế. Bên cạnh đó, nhà đầu tư cũng nên lưu ý đối với nhóm ngành vận tải biển và cảng biển khi giá cước vận tải biển đang tiếp tục trong xu hướng tăng.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,288	2.0	3.1	1.5	14.0		16.1	1.8	206
Upcom Index	99	3.1	8.5	7.9	13.6		12.6	1.3	62
HNX Index	245	0.8	5.5	4.1	6.0		20.2	1.3	12
VN30 Index	1,308	2.5	1.8	2.5	15.6		12.6	1.7	142
S&P 500 Index	5,353	1.4	3.2	3.8	12.2		25.0	4.9	46,690
STOXX Europe 600 Index	523	0.9	1.7	3.9	9.2		15.8	2.1	15,110
Hang Seng	18,367	1.6	-0.6	13.2	7.7		10.4	1.1	2,787
Nikkei 225	38,684	0.5	-0.4	-2.3	15.6		27.9	2.1	4,594
SHCOMP Index	3,051	-1.2	-3.1	0.8	2.6		14.0	1.3	6,451
STI Index	3,331	-0.2	0.9	6.3	2.8		12.2	1.1	374
KOSPI Index	2,723	3.3	1.7	3.1	2.5		15.9	1.0	1,553

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lê Đức Tiến
(84-28) 6299 8011
tien.ld@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	2.1	2.7	15.0	-11.6	-4.8	-12.8	75.1	-1.1	14.1	1.8	4,630,596
Mid Cap	1.6	7.7	20.4	-6.6	8.4	13.0	23.7	1.0	21.4	1.3	554,428
Small Cap	1.1	4.1	-1.2	-2.9	15.5	18.8	1.3	0.1	105.4	0.7	63,814

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Truyền thông	7.0	2.7	-17.1	49.4	20.8	20.2	0.1	0.0	24.1	0.9	1,774
Công nghệ Thông tin	6.0	10.3	47.1	-0.6	37.8	92.5	5.5	0.5	27.9	4.6	201,927
Thực phẩm và đồ uống	4.7	6.9	8.3	-8.1	-8.9	-1.5	9.5	0.2	24.0	2.5	461,783
Du lịch và Giải trí	3.0	11.5	40.7	-3.8	-3.8	38.3	1.4	0.1	n.a	13.9	135,824
Bảo hiểm	2.9	12.1	18.0	-26.9	24.7	93.3	0.5	-0.1	15.1	1.5	48,065
Tài nguyên cơ bản	2.7	7.4	13.8	14.4	-0.8	0.3	7.2	1.5	23.3	1.6	239,457
Ngân hàng	2.1	-0.6	15.6	-7.3	1.5	-8.9	18.9	0.5	9.7	1.6	1,988,383
Ô tô & Phụ tùng	1.7	6.1	17.6	-17.2	-16.3	-2.6	0.5	0.0	17.7	1.2	17,181
Tài chính	1.6	6.5	17.8	-26.2	-20.3	-37.0	10.4	-2.3	20.3	1.7	213,568
Tiện ích	1.5	7.5	9.8	-8.4	50.1	94.9	3.1	0.1	20.7	2.0	326,367
Xây dựng và vật liệu	1.3	3.9	6.9	-10.0	0.4	-16.1	4.8	0.0	20.9	1.3	135,793
Bất động sản	1.3	1.0	0.3	-13.3	-6.4	-24.2	14.5	-0.6	15.9	1.1	736,156
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	1.0	5.9	25.4	-4.4	5.1	15.5	7.9	0.5	15.8	1.5	163,422
Dầu khí	1.0	6.3	18.1	-30.0	-21.3	-14.1	1.2	-0.4	21.4	2.3	70,351
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.9	2.5	17.7	5.8	23.8	44.9	2.5	0.4	6.9	1.9	62,774
Hóa chất	0.1	9.2	44.4	-10.2	10.9	27.9	7.0	0.0	29.1	2.2	256,683
Dược và Y tế	-0.2	4.2	10.6	-8.9	-13.1	7.9	0.2	0.0	15.9	2.1	38,117
Bán lẻ	-1.7	4.7	42.5	-17.1	-5.6	-8.4	4.6	-0.4	90.8	3.7	132,624

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,234**	-4.6	-68.3	-209.4	-360.7
Nước ngoài	**2,303**	-2.5	-24.8	-106.7	-109.1
VanEck Vectors Vietnam ETF	526	0.0	0.0	0.0	70.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	794	-2.5	-43.1	-73.9	8.3
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	429	0.0	0.0	-25.1	-212.5
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	319	0.0	3.6	-22.4	33.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	210	0.0	14.7	17.7	-2.6
Premia MSCI Vietnam ETF	10	0.0	0.0	-3.0	-5.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**932**	-2.2	-43.5	-102.7	-251.6
DCVFMVN Diamond ETF	555	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	282	-1.7	-23.3	-42.9	-100.9
SSIAM VNFIN LEAD ETF	55	-0.5	-20.0	-57.7	-148.7
MAFN VN30 ETF	25	0.0	-0.2	-0.4	-1.9
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	0.0	-1.1	-2.4
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.0	0.0	-0.6	2.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	4,960	-3,356	-3,356
Ấn độ	-1,218	-1,218	-5,338	-3,980
Indonesia	-144	-144	-2,165	-480
Nhật Bản*	1,793	9,910	29,717	40,122
Maylaysia	74	74	101	-86
Philippines	-36	-36	-621	-459
Hàn Quốc	1,075	1,075	2,193	14,381
Sri Lanka	-1	-1	-1	-27
Đài Loan	-122	-122	-2,242	2,488
Thái Lan	-166	-166	-513	-2,446
Việt Nam	-41	-41	-753	-1,154

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

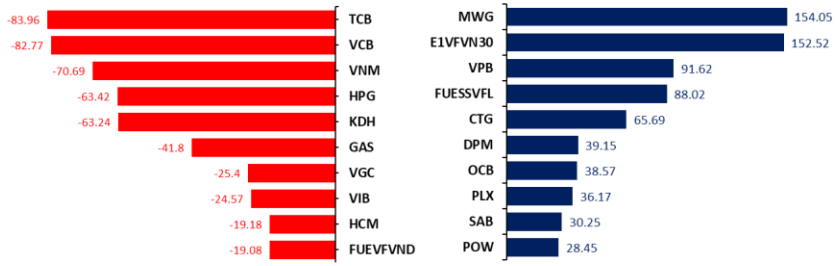
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

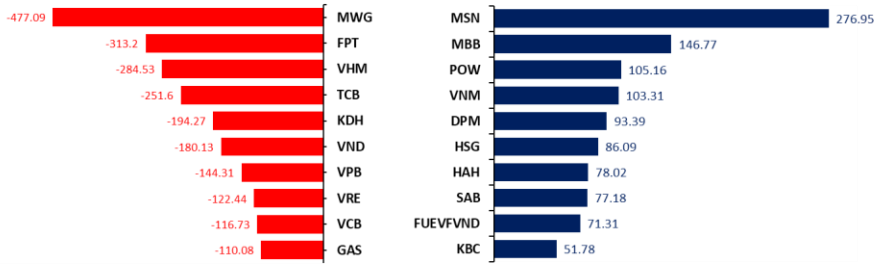
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-44	-785	1,022	-237
Tài nguyên Cơ bản	-64	174	31	-205
Truyền thông	0	12	-12	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	29	32	-70	38
Y tế	-1	2	-1	0
Hóa chất	50	104	37	-142
Dịch vụ tài chính	208	-276	458	-182
Du lịch và Giải trí	3	-26	50	-24
Ngân hàng	43	-389	1,292	-903
Xây dựng và Vật liệu	-26	23	-134	111
Thực phẩm và đồ uống	-43	456	-665	209
Bán lẻ	153	-460	336	124
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-21	32	-57	25
Hàng cá nhân & Gia dụng	19	17	55	-72
Công nghệ Thông tin	15	-358	785	-427
Ô tô và phụ tùng	-17	-17	56	-38
Bảo hiểm	10	-29	6	24
Dầu khí	22	-73	60	12
Tổng	336	-1,561	3,248	-1,687

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

0

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SVD	Hàng cá nhân & Gia dụng	2.13 - 4.46	2.9	-8.1%
2	VAF	Hóa chất	9.52 - 16.55	12.8	-7.9%
3	TTE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8.17 - 15.60	9.9	-7.0%
4	TDW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	39.30 - 58.80	48.1	-6.9%
5	FDC	Bất động sản	10.65 - 21.90	13.9	-6.4%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
30.3%	16.6	8.56 - 16.95	Công nghệ Thông tin	ITD
26.8%	14.0	9.96 - 26.40	Ô tô và phụ tùng	TMT
23.7%	25.3	16.95 - 26.00	Dịch vụ tài chính	TVS
19.8%	8.2	4.68 - 8.23	Xây dựng và Vật liệu	HVH
18.4%	25.3	18.60 - 32.20	Bất động sản	CKG

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VE1	Xây dựng và Vật liệu	2.70 - 4.50	3.1	-20.5%
2	NTH	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	49.10 - 64.20	54.0	-15.9%
3	SHE	Hàng cá nhân & Gia dụng	8.00 - 13.40	10.7	-15.7%
4	MEL	Tài nguyên Cơ bản	5.70 - 7.30	6.3	-13.7%
5	API	Bất động sản	3.70 - 16.30	9.1	-11.7%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
57.3%	12.9	4.70 - 12.90	Ô tô và phụ tùng	CMC
56.0%	7.8	3.20 - 7.90	Thực phẩm và đồ uống	HKT
30.8%	6.8	3.30 - 7.20	Thực phẩm và đồ uống	CTP
24.7%	10.6	7.50 - 10.60	Hóa chất	VTZ
23.1%	8.0	5.10 - 8.00	Công nghệ Thông tin	ONE

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	DNL	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.10 - 34.50	24.7	-27.1%
2	TSJ	Du lịch và Giải trí	17.00 - 55.20	17.0	-24.4%
3	VHH	Xây dựng và Vật liệu	2.70 - 5.20	3.5	-23.9%
4	HD8	Bất động sản	7.50 - 12.50	8.4	-23.6%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	13.60 - 20.90	13.6	-22.3%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
84.4%	5.9	1.10 - 5.90	Bất động sản	PIV
81.2%	25.0	6.80 - 25.00	Xây dựng và Vật liệu	CID
57.3%	19.5	7.00 - 21.00	Viễn thông	TTN
55.8%	28.2	10.40 - 28.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PAP
53.8%	14.3	8.50 - 38.00	Thực phẩm và đồ uống	NCG

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	CKG	CTCP Cảng Quy Nhơn	Bất động sản	5,604.7	669.9	25.2	18.60 - 32.20	18.4
2	SGN	Phục vụ mặt đất Sài Gòn	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2,878.9	401.5	78.0	64.40 - 79.30	6.7
3	TVS	Chứng khoán Thiên Việt	Dịch vụ tài chính	17,277.0	316.8	25.3	16.95 - 26.00	23.7
4	SHI	SONHA CORP	Tài nguyên Cơ bản	6,844.8	92.2	15.4	12.40 - 15.60	1.0
5	POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	282,596.6	90.6	14.0	10.40 - 14.30	10.7
6	SIP	Đầu tư Sài Gòn VRG	Bất động sản	45,513.7	87.1	97.0	49.85 - 98.90	8.1
7	SGT	Sài Gòn Telecom	Công nghệ Thông tin	2,629.5	84.0	14.8	11.10 - 16.60	9.2
8	LIX	Bột giặt LIX	Hàng cá nhân & Gia dụng	1,553.4	75.0	72.7	43.60 - 74.90	-0.3
9	TDP	Công ty Thuận Đức	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2,233.1	60.0	33.9	25.40 - 34.40	0.9
10	DPM	Đạm Phú Mỹ	Hóa chất	194,032.4	55.8	39.0	28.40 - 42.00	8.2

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

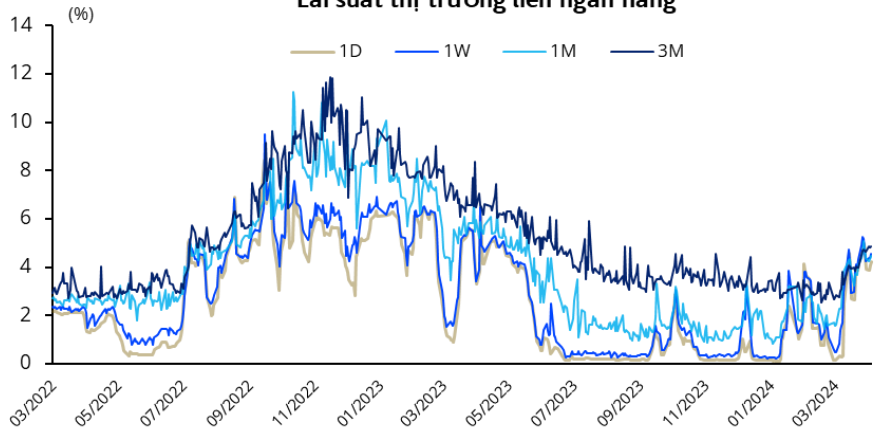
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	104.11	-0.5	-1.2	1.2	2.7	
VND/USD	25,410	-0.2	0.1	2.9	4.7	
KRW/USD	1,365.50	-1.4	0.4	2.6	6.0	
JPY/USD	155.58	-1.1	0.6	5.1	10.3	
EUR/USD	0.92	-0.4	-1.2	0.5	1.4	
SGD/USD	1.35	-0.4	-0.7	0.9	1.9	
CNY/USD	7.24	0.0	0.3	0.7	2.0	

Hàng hóa

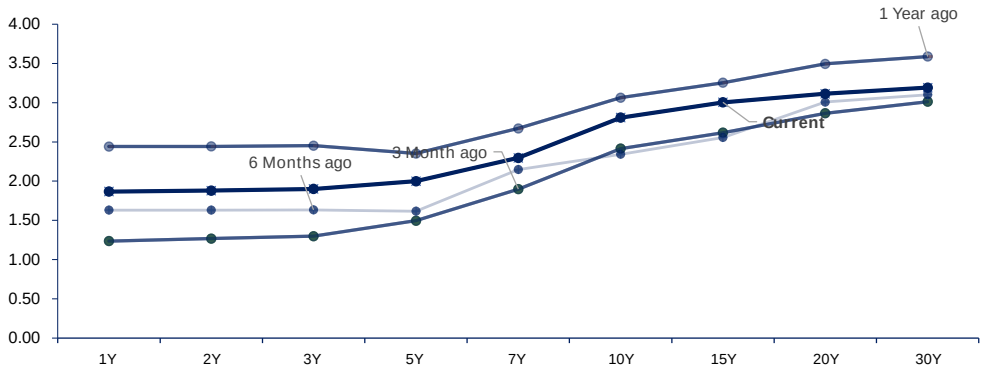
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	75.94	-1.4	-3.1	-3.8	6.0	
Xăng	240.67	-0.8	-5.4	-5.8	14.5	
Gas	2.85	10.2	29.2	56.9	13.4	
Than	131.00	-8.0	-10.5	-3.3	-10.5	
Vàng	2,332.85	0.2	0.8	8.0	13.1	
Bạc	30.26	-0.5	11.1	24.4	27.2	
Platinum	989.07	-4.8	1.1	7.4	-0.3	
Quặng sắt	108.50	-7.8	-9.3	-7.2	-20.4	
Thép cán	3,796.00	-0.6	-1.4	-4.1	-6.9	
Lúa mì	629.25	-7.3	0.7	20.8	0.2	
Ngô	451.50	1.2	-0.5	6.0	-4.2	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.87	1.88	1.90	2.00	2.30	2.81	3.00	2.62	2.56
Thay đổi (BPS)*	-0.40	-0.40	-0.40	-3.80	-1.70	-3.90	-1.70	0.00	0.20

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.